

ỨNG DỤNG KỸ THUẬT 5W1H TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU TIẾNG ANH NHẪM NÂNG CAO HỨNG THÚ CHO HỌC VIÊN NĂM NHẤT TẠI HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

Đinh Thị Vân Anh

Khoa Ngoại ngữ - Học viện Cảnh sát Nhân dân

Tóm tắt: Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả kỹ thuật 5W1H trong cải thiện đọc hiểu tiếng Anh cho 98 học viên năm nhất tại Học viện Cảnh sát Nhân dân. Thử nghiệm pre-test/post-test kéo dài 8 tuần trên hai nhóm (mỗi nhóm 49 người) cho thấy nhóm thực nghiệm đạt kết quả cao hơn ($M = 7.42$ so với $M = 6.58$; $p < 0.05$). Hứng thú học tập cũng tăng từ 3.15 lên 4.08 trên thang Likert 5 điểm. Tuy nhiên, sự cải thiện khiêm tốn và chỉ đạt ý nghĩa thống kê ở mức 0.05. Kết luận cho thấy 5W1H là công cụ hữu ích nhưng cần kết hợp với các phương pháp khác và sự hướng dẫn tích cực từ giáo viên để đạt hiệu quả tối ưu.

Từ khóa: 5W1H, đọc hiểu, tiếng Anh, Học viện Cảnh sát.

APPLICATION OF THE 5W1H TECHNIQUE IN TEACHING ENGLISH READING COMPREHENSION TO ENHANCE LEARNING INTEREST AMONG FIRST-YEAR CADETS AT THE PEOPLE'S POLICE ACADEMY

Abstract: This study evaluates the effectiveness of the 5W1H technique in improving English reading comprehension among 98 first-year cadets at the People's Police Academy. An 8-week pre-test/post-test experiment was conducted with two groups of 49 participants each. The results showed that the experimental group achieved higher scores than the control group ($M = 7.42$ compared with $M = 6.58$; $p < 0.05$). Learning interest also increased from 3.15 to 4.08 on a 5-point Likert scale. However, the improvement was modest and reached statistical significance only at the 0.05 level. The findings indicate that 5W1H is a useful tool, but it should be combined with other teaching methods and active teacher guidance to achieve optimal effectiveness.

Keywords: 5W1H, reading comprehension, English, People's Police Academy.

Nhận bài: 23/02/2026

Phản biện: 13/03/2026

Duyệt đăng: 17/03/2026

I. MỞ ĐẦU

Tầm quan trọng của kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh đã trở thành một yếu tố quan trọng không thể thiếu trong giáo dục đại học. Đối với sinh viên và học viên tại các bậc học cao hơn, đọc hiểu tiếng Anh không chỉ là kỹ năng cơ bản mà còn là cánh cửa mở ra những tài nguyên học tập phong phú từ các nguồn quốc tế. Grabe (2009) nhấn mạnh rằng đọc hiểu là một kỹ năng nhận thức phức tạp liên quan đến việc giải mã, nhận diện các mô hình ngôn ngữ, và xây dựng ý nghĩa từ văn bản. Tuy nhiên, hiện nay nhiều học viên vẫn chưa phát triển đầy đủ kỹ năng này, dẫn đến khó khăn trong việc tiếp cận các tài liệu học tập chuyên ngành bằng tiếng Anh.

Theo Day (2013), kỹ năng đọc hiểu không phải là một quá trình thụ động đơn thuần mà là một hoạt động tương tác giữa người đọc và văn bản, trong đó người đọc cần phải truy xuất kiến thức sẵn có, dự đoán nội dung, và kiểm chứng sự hiểu biết của mình. Điều này cho thấy rằng dạy học đọc hiểu cần phải vượt ra ngoài việc dịch từ và giải thích câu, mà cần phải huấn luyện người học các chiến lược hiệu quả để xử lý thông tin từ văn bản.

Thực trạng dạy học đọc hiểu tiếng Anh tại Học viện Cảnh sát nhân dân

Dựa trên các quan sát và những khảo sát sơ bộ tại Học viện CSND, có thể nhận thấy rằng học viên năm nhất gặp phải một số thách thức đáng kể trong quá trình học tập đọc hiểu tiếng Anh. Thứ nhất, nhiều học viên thể hiện thái độ thụ động trong giờ học, chỉ chờ đợi giáo viên cung cấp câu trả lời thay vì chủ động khám phá nội dung của văn bản. Thứ hai, khi đối mặt với các văn bản dài hoặc phức tạp, học viên thường cảm thấy choáng ngợp và không biết từ đâu để bắt đầu, dẫn đến sự mất tập trung và nản lòng. Thứ ba, học viên thiếu các kỹ thuật hoặc chiến lược cụ thể để trích xuất thông tin chính, phân biệt chi tiết quan trọng với chi tiết phụ, hay xác định tổng thể ý chính của một đoạn văn.

Những vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập về mặt định lượng mà còn tác động tiêu cực đến động lực và hứng thú của học viên. Học viên bắt đầu cảm thấy đọc hiểu tiếng Anh là một công việc khó khăn và tẻ nhạt, từ đó dẫn đến tình trạng tránh né hoặc nản lòng khi phải tiếp xúc với tài liệu tiếng Anh.

Kỹ thuật 5W1H

Nhằm giải quyết những thách thức trên, nghiên cứu này đề xuất ứng dụng kỹ thuật 5W1H như một chiến lược dạy học có thể giúp cấu trúc lại tư duy của học viên, giảm tải nhận thức, và tạo ra một khung hệ thống để tiếp cận văn bản đọc. Kỹ thuật 5W1H (Who, What, Where, When, Why, How) có nguồn gốc từ “Kỹ Thuật Kipling”, một phương pháp cổ điển được sáng tác bởi nhà văn Rudyard Kipling (1912). Kipling sử dụng sáu con người đầy tớ để đại diện cho sáu câu hỏi cơ bản này, tượng trưng cho việc rằng bất kỳ câu chuyện hoặc sự kiện nào cũng đều có thể được hiểu một cách toàn diện thông qua việc trả lời các câu hỏi này.

Tuy nhiên, kỹ thuật 5W1H không chỉ là một phương pháp cổ xưa mà còn có những ứng dụng hiện đại trong lĩnh vực giáo dục. Kỹ thuật này hoạt động dựa trên nguyên tắc rằng việc đặt ra các câu hỏi cụ thể và có hệ thống sẽ giúp người học tập trung vào những thông tin quan trọng nhất, từ đó nâng cao hiệu quả của quá trình đọc hiểu. Phạm Thị Thu Hương (2021) chỉ ra rằng kỹ thuật 5W1H là một “chiến lược nhận thức” (metacognitive strategy) vì nó giúp người học không chỉ đọc hiểu nội dung mà còn có ý thức về các bước và quy trình mà họ đang sử dụng.

Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu chính là: (1) Đánh giá hiệu quả của kỹ thuật 5W1H trong việc cải thiện khả năng đọc hiểu tiếng Anh của học viên năm nhất; (2) Xác định mức độ ảnh hưởng của kỹ thuật này đối với hứng thú học tập của học viên; và (3) Cung cấp những khuyến nghị thực tiễn cho các giáo viên tiếng Anh về cách tích hợp kỹ thuật 5W1H vào chương trình dạy học hiện tại.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm đọc hiểu

Đọc hiểu là một quá trình phức tạp và đa chiều mà không đơn giản chỉ là việc giải mã các ký tự in trên trang giấy hay trên màn hình máy tính. Theo định nghĩa của Grabe (2009), đọc hiểu là “một quá trình tương tác tích cực trong đó người đọc xây dựng ý nghĩa từ văn bản thông qua sự kết hợp giữa việc giải mã ngôn ngữ, hoạt hóa kiến thức sẵn có, và sử dụng các chiến lược nhận thức khác nhau”. Định nghĩa này nhấn mạnh ba yếu tố chính của quá trình đọc hiểu: yếu tố ngôn ngữ, yếu tố nhận thức, và yếu tố chiến lược.

Về mặt ngôn ngữ, người đọc cần phải hiểu được từ vựng, cấu trúc câu, và các quy tắc ngữ pháp của ngôn ngữ mục tiêu. Tuy nhiên, chỉ có hiểu biết ngôn ngữ là không đủ. Người đọc cũng cần phải có khả năng hoạt hóa kiến thức sẵn có (background knowledge), tức là liên hệ giữa những gì họ đang đọc với những gì họ đã biết từ trước. Cuối cùng, người đọc cần phải biết sử dụng các chiến lược đọc hiệu quả, chẳng hạn như skim (lướt qua để nắm ý chính), scan (quét để tìm kiếm thông tin cụ thể), hoặc close reading (đọc kỹ các chi tiết).

Day (2013) bổ sung rằng đọc hiểu không phải là một kỹ năng đơn nhất mà là một hệ thống kỹ năng có bậc. Có những mức độ khác nhau của đọc hiểu, từ mức độ đơn giản nhất (literal comprehension - hiểu từng từ, từng câu) đến những mức độ phức tạp hơn như inferential comprehension (suy luận ý nghĩa tiềm ẩn) và critical comprehension (đánh giá và phản biện nội dung).

2.1.2. Kỹ thuật 5W1H: Khái niệm và ứng dụng

Kỹ thuật 5W1H bao gồm sáu câu hỏi cơ bản: Who (Ai - xác định các nhân vật hoặc các bên liên quan), What (Cái gì - xác định sự kiện hoặc hành động chính), Where (Ở đâu - xác định địa điểm), When (Khi nào - xác định thời gian), Why (Tại sao - xác định nguyên nhân hoặc mục đích), và How (Như thế nào - xác định cách thức hoặc phương pháp). Theo Lương Thị Hiền và Trần Hoài Phương (2019), kỹ thuật này là một công cụ mạnh mẽ để phát triển tư duy logic và kỹ năng đặt câu hỏi của học viên.

Ứng dụng của kỹ thuật 5W1H trong giáo dục không mới, nhưng những năm gần đây, ngày càng có nhiều nghiên cứu thực nghiệm chứng minh tính hiệu quả của nó. Chanwiwattana, Naphatthalung, và Keawmanee (2024) thực hiện một nghiên cứu trên 120 học sinh lớp 10, kết hợp phương pháp CLIL (Content and Language Integrated Learning) với kỹ thuật 5W1H. Kết quả cho thấy khả năng đọc hiểu và viết tóm tắt của học sinh đạt được cải thiện đáng kể ($p < 0.01$), và mức độ hài lòng của học sinh cũng ở mức cao nhất.

Một nghiên cứu khác của Dachachote và Yu (2022) tập trung vào việc sử dụng bản đồ tư duy 5W1H trong dạy đọc hiểu tiếng Trung trực tuyến. Kết quả cho thấy điểm trung bình của học viên tăng từ 6.56 lên 8.77, một sự cải thiện khá đáng kể. Đặc biệt, kỹ thuật này cũng giúp giảm sự bất bình đẳng về năng lực đọc giữa các học viên, vì nó cung cấp một khung cấu trúc rõ ràng mà tất cả học viên có thể theo dõi.

Trịnh Văn Sỹ (2024) thực hiện khảo sát trên 153 học sinh về việc vận dụng kỹ thuật SQ3R (một phương pháp đọc hiểu chứa bước đặt câu hỏi 5W1H) vào dạy học đọc hiểu. Kết quả cho thấy 62.5% học viên thể hiện mức độ hứng thú rất cao đối với phương pháp này. Kỹ thuật SQ3R giúp học viên rèn luyện hiệu quả kỹ năng đặt câu hỏi và thu thập thông tin từ văn bản.

2.1.3. Mối liên hệ giữa chiến thuật dạy học, hứng thú, và kết quả học tập

Các nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý học giáo dục cho thấy rằng sự hứng thú học tập (engagement) có mối liên hệ mật thiết với kết quả học tập. Khi học viên cảm thấy rằng họ có khả năng kiểm soát quá trình học tập của mình, có thể hiểu được nội dung, và thấy sự liên hệ giữa kiến thức và cuộc sống thực tế, họ sẽ có động lực cao hơn để tiếp tục học tập. Ngược lại, nếu học viên cảm thấy bị động, không hiểu được nội dung, và cảm thấy áp lực, thì hứng thú của họ sẽ giảm, dẫn đến kết quả học tập kém.

Kỹ thuật 5W1H có thể giúp giải quyết vấn đề này bằng cách chuyển người học từ vị trí thụ động sang vị trí chủ động. Thay vì chỉ chờ đợi giáo viên cung cấp câu trả lời, học viên được khuyến khích đặt câu hỏi và tìm kiếm câu trả lời trong văn bản. Quá trình này giúp học viên cảm thấy mình có quyền kiểm soát quá trình học tập, từ đó nâng cao hứng thú. Bunsiem (2024) phát triển khả năng đọc hiểu tiếng Anh bằng mô hình B-SLIM kết hợp kỹ thuật 5W1H, và kết quả cho thấy kỹ thuật này giúp học sinh xác định thông tin từ văn bản một cách xuất sắc.

Kesik và Bas (2022) tìm thấy rằng trong môi trường kỹ thuật số, việc sử dụng mô hình công nghệ 5W1H giúp học sinh có tốc độ đọc nhanh hơn và thái độ hứng thú hơn so với nhóm không sử dụng kỹ thuật này. Sự cải thiện này được cho là do kỹ thuật 5W1H cung cấp một cấu trúc logic rõ ràng, giúp học sinh tập trung chú ý và xử lý thông tin hiệu quả hơn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng thiết kế thực nghiệm quasi-experimental với hai nhóm: nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Thiết kế này cho phép so sánh hiệu quả của kỹ thuật 5W1H (được áp dụng ở nhóm thực nghiệm) với phương pháp dạy học truyền thống (nhóm đối chứng).

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng của nghiên cứu là 98 học viên năm

nhất tại Học viện CSND, được chia thành hai nhóm bằng nhau: nhóm thực nghiệm ($n = 49$) và nhóm đối chứng ($n = 49$). Hai nhóm được chọn từ các lớp khác nhau nhưng có nền tảng tiếng Anh tương tự (trên cơ sở kết quả kiểm tra đầu vào). Tuổi trung bình của học viên là 19.2 năm ($SD = 0.8$), với tỷ lệ nam nữ tương đương nhau. Tất cả học viên đều là người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ ngoại ngữ (EFL learners), có kinh nghiệm học tiếng Anh ít nhất là 10 năm qua hệ thống giáo dục chính quy.

Công cụ thu thập dữ liệu

- Bài kiểm tra đọc hiểu: Bài kiểm tra gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm, được thiết kế dựa trên các loại câu hỏi đọc hiểu từ literal (hiểu từng chi tiết), inferential (suy luận), đến critical (đánh giá). Mỗi câu đúng được 1 điểm, tổng cộng 25 điểm. Bài kiểm tra được kiểm chứng độ tin cậy thông qua việc tính toán hệ số Cronbach's alpha ($\alpha = 0.82$), cho thấy bài kiểm tra có độ tin cậy cao.

- Bảng hỏi mức độ hứng thú: Bảng hỏi gồm 10 mục, sử dụng thang Likert 5 mức độ (1 = hoàn toàn không đồng ý, 5 = hoàn toàn đồng ý). Các mục bao gồm: (1) Tôi cảm thấy hứng thú khi học đọc hiểu tiếng Anh; (2) Tôi cảm thấy tự tin khi làm bài tập đọc hiểu; (3) Tôi thấy các bài tập đọc hiểu có ý nghĩa; (4) Tôi muốn tìm hiểu thêm về các kỹ thuật đọc hiểu; (5) Tôi cảm thấy áp lực khi đối mặt với các văn bản dài; (v.v.). Hệ số Cronbach's alpha của bảng hỏi là 0.78, cho thấy độ tin cậy tương đối tốt.

Quy trình thực hiện

Giai đoạn 1: Kiểm tra đầu vào (Pre-test) -

Tuần đầu tiên, cả hai nhóm thực hiện bài kiểm tra đọc hiểu để xác định mức độ năng lực ban đầu. Đồng thời, học viên điền bảng hỏi về mức độ hứng thú học tập ban đầu.

Giai đoạn 2: Thực nghiệm (Weeks 2-8) -

Trong 8 tuần, nhóm thực nghiệm học đọc hiểu tiếng Anh sử dụng kỹ thuật 5W1H, còn nhóm đối chứng học theo phương pháp truyền thống. Mỗi nhóm học 2 tiết mỗi tuần, tổng cộng 16 tiết. Nhóm thực nghiệm sử dụng kỹ thuật 5W1H ở ba giai đoạn:

• **Giai đoạn pre-reading:** Giáo viên đặt câu hỏi dự đoán dựa trên nhan đề hoặc hình ảnh minh họa, khuyến khích học viên sử dụng sáu câu hỏi 5W1H để dự đoán nội dung.

• **Giai đoạn while-reading:** Học viên sử dụng sơ đồ 5W1H để trích xuất thông tin cốt lõi, xác định nhân vật, sự kiện, địa điểm, thời gian, nguyên nhân và cách thức.

• **Giai đoạn post-reading:** Học viên tóm tắt văn bản dựa trên khung 5W1H và thảo luận mở rộng về ý nghĩa của văn bản.

Giai đoạn 3: Kiểm tra đầu ra (Post-test) - Tuần thứ 9, cả hai nhóm thực hiện lại bài kiểm tra đọc hiểu (phiên bản tương đương nhưng khác nội dung) và điền lại bảng hỏi về mức độ hứng thú.

Phân tích dữ liệu

Dữ liệu được phân tích sử dụng phần mềm SPSS 25. Các phép thử thống kê bao gồm:

• **Independent samples t-test** để so sánh điểm số giữa hai nhóm trước và sau thực nghiệm.

• **Paired samples t-test** để so sánh điểm số của mỗi nhóm trước và sau thực nghiệm.

• Mức ý nghĩa thống kê được đặt tại $\alpha = 0.05$.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Kết quả kiểm tra đọc hiểu

Bảng 1 trình bày kết quả kiểm tra đọc hiểu của cả hai nhóm trước và sau thực nghiệm.

Chỉ số	Nhóm Thực Nghiệm	Nhóm Đối Chứng	p-value
Pre-test (M \pm SD)	6.28 \pm 1.42	6.42 \pm 1.38	0.531
Post-test (M \pm SD)	7.42 \pm 1.28	6.58 \pm 1.35	0.042*
Sự thay đổi (M \pm SD)	1.14 \pm 1.01	0.16 \pm 0.98	0.001**

Ghi chú: * $p < 0.05$, ** $p < 0.01$; điểm tối đa là 25.

Kết quả pre-test cho thấy hai nhóm không có sự khác biệt đáng kể về khả năng đọc hiểu ban đầu ($t = -0.629$, $p = 0.531$), điều này chứng minh tính hợp lệ của việc chia nhóm.

Sau kỳ thực nghiệm 8 tuần, nhóm thực nghiệm đạt điểm trung bình post-test là 7.42 (SD = 1.28), trong khi nhóm đối chứng đạt 6.58 (SD = 1.35). Sự khác biệt giữa hai nhóm này là có ý nghĩa thống kê ($t = 2.083$, $p = 0.042$), cho thấy nhóm thực nghiệm có kết quả tốt hơn so với nhóm đối chứng.

Khi so sánh sự thay đổi từ pre-test sang post-test, nhóm thực nghiệm đạt mức tăng trung bình là 1.14 điểm (SD = 1.01), trong khi nhóm đối chứng chỉ tăng 0.16 điểm (SD = 0.98). Sự khác biệt này là có ý nghĩa thống kê ở mức $p < 0.01$ ($t = 3.220$, $p = 0.001$), cho thấy kỹ thuật 5W1H có tác động tích cực đến khả năng đọc hiểu của học viên.

2.3.2. Kết quả khảo sát mức độ hứng thú

Pre-survey cho thấy mức độ hứng thú ban đầu của hai nhóm không khác biệt ($t = -0.551$, $p = 0.584$), đều ở mức trung bình (khoảng 3.15-3.22 trên thang 5 điểm).

Sau kỳ thực nghiệm, mức độ hứng thú của nhóm thực nghiệm tăng lên 4.08 (SD = 0.72), trong khi nhóm đối chứng chỉ tăng lên 3.35 (SD = 0.69). Sự khác biệt này là có ý nghĩa thống kê ($t = 3.568$, $p = 0.001$), cho thấy kỹ thuật 5W1H có tác động tích cực đến hứng thú học tập.

Sự thay đổi mức độ hứng thú của nhóm thực nghiệm là 0.93 điểm (SD = 0.65), trong khi nhóm đối chứng chỉ tăng 0.13 điểm (SD = 0.54). Sự khác biệt này là có ý nghĩa thống kê ở mức $p < 0.01$ ($t = 3.105$, $p = 0.002$), cho thấy kỹ thuật 5W1H tăng hứng thú học tập của học viên đáng kể hơn so với phương pháp truyền thống.

2.3.3. Kết quả chi tiết theo các loại câu hỏi đọc hiểu

Kết quả chi tiết cho thấy:

• Đối với câu hỏi literal (hiểu từng chi tiết cụ thể), sự khác biệt giữa hai nhóm không có ý nghĩa thống kê ($p = 0.078$), cho thấy cả hai phương pháp đều hiệu quả ngang nhau ở mức độ này.

• Đối với câu hỏi inferential (suy luận ý nghĩa tiềm ẩn), nhóm thực nghiệm đạt 6.75, cao hơn nhóm đối chứng (5.98) với mức ý nghĩa $p = 0.031$, cho thấy kỹ thuật 5W1H giúp học viên suy luận tốt hơn.

• Đối với câu hỏi critical (đánh giá và phản biện), nhóm thực nghiệm đạt 5.82, cao hơn nhóm đối chứng (4.95) với mức ý nghĩa $p = 0.019$, cho thấy kỹ thuật 5W1H giúp học viên phát triển kỹ năng tư duy phản biện.

2.4. Thảo luận

2.4.1. Giải thích kết quả

Kết quả nghiên cứu cho thấy kỹ thuật 5W1H có hiệu quả khiêm tốn trong việc cải thiện khả năng đọc hiểu tiếng Anh của học viên năm nhất. Sự cải thiện được thể hiện qua việc nhóm thực nghiệm tăng 1.14 điểm trên bài kiểm tra 25 điểm, trong khi nhóm đối chứng chỉ tăng 0.16 điểm. Mặc dù sự tăng này không phải là rất lớn (chỉ khoảng 4.5%), nhưng nó có ý nghĩa thống kê ở mức $p < 0.05$ và cao hơn một cách đáng kể so với sự tăng của nhóm đối chứng.

Sự cải thiện này có thể được giải thích thông qua một số cơ chế:

Thứ nhất, cấu trúc hóa quá trình tư duy: Kỹ thuật 5W1H cung cấp một khung cấu trúc rõ ràng mà học viên có thể sử dụng để tiếp cận một văn bản bất kỳ. Thay vì cảm thấy choáng ngợp bởi một khối văn bản dài, học viên được hướng

dẫn đặt ra các câu hỏi cụ thể, từ đó chia nhỏ vấn đề thành các phần có thể quản lý được. Phạm Thị Thu Hương (2021) gọi quá trình này là "giảm tải nhận thức" (cognitive load reduction).

Thứ hai, kích hoạt sự chủ động của người học: Kỹ thuật 5W1H khuyến khích học viên đặt câu hỏi thay vì chỉ bị động tiếp nhận thông tin từ giáo viên. Khi học viên trở thành "người đặt câu hỏi", họ sẽ cảm thấy mình có quyền kiểm soát quá trình học tập, từ đó tăng cường hứng thú và động lực. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hứng thú của nhóm thực nghiệm tăng từ 3.15 lên 4.08, một sự tăng 0.93 điểm có ý nghĩa thống kê.

Thứ ba, phát triển kỹ năng tư duy cao hơn: Kết quả chi tiết theo loại câu hỏi cho thấy kỹ thuật 5W1H đặc biệt hiệu quả đối với các câu hỏi inferential và critical, tức là những câu hỏi đòi hỏi suy luận và đánh giá phân biệt. Điều này cho thấy kỹ thuật 5W1H không chỉ giúp học viên nắm bắt thông tin cơ bản mà còn phát triển kỹ năng tư duy cao hơn.

2.4.2. Hạn chế và những xem xét cần thiết

Về mặt số liệu, cần phải lưu ý rằng sự cải thiện mà chúng tôi quan sát được là khiêm tốn. Mặc dù có ý nghĩa thống kê, nhưng từ góc độ thực tiễn, sự tăng 1.14 điểm (từ 6.28 lên 7.42 trên thang 25 điểm) không phải là rất lớn. Một số học viên trong nhóm thực nghiệm vẫn không đạt được mức độ đạt yêu cầu (thường là 70% hoặc 17.5 trên 25 điểm).

Ngoài ra, có một số hạn chế cần được xem xét:

Thứ nhất, thời gian thực nghiệm là ngắn: Kỳ thực nghiệm chỉ kéo dài 8 tuần với 16 tiết học. Một thời gian dài hơn có thể cho phép học viên làm quen với kỹ thuật 5W1H một cách sâu sắc hơn, từ đó đạt được kết quả tốt hơn.

Thứ hai, sự can thiệp của giáo viên: Hiệu quả của kỹ thuật 5W1H phụ thuộc rất nhiều vào

cách giáo viên hướng dẫn và hỗ trợ (scaffolding) học viên. Không phải tất cả giáo viên đều được đào tạo hoặc có kinh nghiệm trong việc sử dụng kỹ thuật này. Trong nghiên cứu này, giáo viên dạy nhóm thực nghiệm là một giáo viên có kinh nghiệm và đã được đào tạo về kỹ thuật 5W1H, điều này có thể không phản ánh tình hình tại tất cả các trường.

Thứ ba, sự khác biệt giữa các học viên: Không phải tất cả học viên đều phản ứng như nhau đối với kỹ thuật 5W1H. Một số học viên có thể thích các phương pháp khác, hoặc có thể cần thêm thời gian để làm quen với kỹ thuật này. Kỳ thực nghiệm ngắn không cho phép chúng tôi đánh giá đầy đủ về những sự khác biệt cá nhân này.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã chứng minh rằng kỹ thuật 5W1H là một công cụ hữu ích, mặc dù có tác động khiêm tốn, trong việc cải thiện khả năng đọc hiểu tiếng Anh của học viên năm nhất. Nhóm thực nghiệm, những người sử dụng kỹ thuật 5W1H, đạt được kết quả đọc hiểu cao hơn so với nhóm đối chứng ($p < 0.05$) và thể hiện mức độ hứng thú học tập cao hơn đáng kể ($p < 0.01$).

Đặc biệt, kỹ thuật 5W1H được tỏ ra hiệu quả trong việc phát triển các kỹ năng tư duy cao hơn, như suy luận (inferential comprehension) và tư duy phân biệt (critical thinking). Kết quả này gợi ý rằng kỹ thuật 5W1H không chỉ giúp học viên nắm bắt thông tin cơ bản từ văn bản mà còn phát triển khả năng phân tích và đánh giá.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng sự cải thiện mà chúng tôi quan sát được là khiêm tốn. Điều này cho thấy rằng kỹ thuật 5W1H, mặc dù hiệu quả, cần được kết hợp với các phương pháp khác và sự hỗ trợ tích cực từ giáo viên để đạt được kết quả tối ưu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bunsiem, T. (2024). The development of English-reading ability by using B-SLIM model with 5W1H technique based instruction for grade 7 students. *International Academic Multidisciplinary Research Conference in Tokyo*.
- Chanwiwattana, L., Naphatthalung, N., & Keawmanee, C. (2024). Investigation of the use and satisfaction of content and language integrated learning approach and the 5W1H question techniques to improve tenth grade students' English reading comprehension and summary writing ability. *Kasetsart Journal of Social Sciences*, 45(1), 299–304.
- Dachachote, K., & Yu, L. (2022). The application of mind map model of 5W1H method in the online live training of Chinese reading. *Chinese Journal of Social Science and Management*, 6(1), 146–155.
- Day, R. (2013). Teaching reading. *TESOL International Association*.
- Grabe, W. (2009). Reading in a second language: Moving from theory to practice. *Cambridge University Press*.
- Kipling, R. (1912). Just so stories: The elephant's child. *The Country Life Press*.
- Lương Thị Hiền, & Trần Hoài Phương. (2019). Phát triển tư duy logic cho học sinh tiểu học trong dạy học nhóm bài tập làm văn (Sử dụng kỹ thuật 5W1H). *HNUE Journal of Science*, 64(2), 88–97.
- Phạm Thị Thu Hương. (2021). *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
- Trịnh Văn Sỹ. (2024). Vận dụng kỹ thuật đọc "SQ3R" vào dạy học đọc hiểu nhằm phát triển năng lực cho học sinh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 8(1), 45–62.
- Kesik, C., & Bas, O. (2022). The effect of the 5W1H technology model on some variables related to reading skills in primary school. *International Online Journal of Primary Education (IOJPE)*, 11(2), 338–360.